

Bản án số: **09/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 11 tháng 01 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Triển và bà Phan Thị Thuý Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NAT, sinh năm 1968; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Xuân Lộc 2, phường XD, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 33B ngõ 306 đường XD, phường XD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị TTTV, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Xuân Lộc 2, phường XD, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 33B ngõ 306 đường XD, phường XD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh NAT trình bày:

Về tình cảm: Tôi và chị TTTV kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1994 tại UBND xã XD, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống ngay sau khi kết hôn khoảng 08 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong suy nghĩ, lối sống, tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hòa, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị V sau khi kết hôn có thái độ không tốt với bố mẹ chồng, thường xuyên to tiếng mắng chửi chồng, thường xuyên đánh đập con cái. Mặc dù tôi đã nhẫn nhịn, và là người đứng ra lo lắng cho kinh tế gia đình nhưng chị V luôn to tiếng, gây mâu thuẫn vợ chồng. Việc chị V nói tôi ngoại tình thì không đúng vì chúng tôi chỉ là quan hệ chơi bời, có quan hệ từ tháng 02/2022 và đến tháng 8/2022 đã chấm dứt, không còn liên lạc với nhau nữa và cô Yên đã đi lấy chồng. Đến nay tôi không có quan hệ tình cảm với người nào khác. Còn chị V còn cờ bạc, gây thiệt hại cho kinh tế gia đình. Đến năm 2015, vợ chồng tuy còn chung sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị V, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu nên đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn chị TTTV.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014.

Đối với cháu Huyền, cháu Tâm hiện đã thành niên, sức khỏe bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung đối với hai cháu. Ly hôn, tôi đề nghị được nuôi cháu Thiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Tôi hiện là môi giới, kinh doanh bất động sản. Thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về chỗ ở: Tôi và cô Vân có 01 ngôi nhà 3 tầng, 1 tum, diện tích sàn khoảng 22 m² xây trên đất nông nghiệp, tôi mua năm 2017 và sửa chữa lại để ở. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giá trị nguyên vật liệu trên diện tích đất nông nghiệp. Tôi sẽ quản lý, sử dụng ngôi nhà này và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị vật liệu của công trình xây dựng này cho cô Vân.

Tại Bản tự khai và phần trình bày tại các phiên công khai chứng cứ, hoà giải, bị đơn là chị TTTV trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh NAT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1994 tại UBND xã XD, huyện Từ Liêm (Nay là phường XD, quận Bắc Từ Liêm), TP. Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống từ khi kết hôn đến trước thời điểm tháng 8/2022 cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ không đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, từ tháng 8/2022 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình với người khác. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo anh T

quay về. Tuy nhiên, anh T không chịu sửa chữa vẫn tiếp tục ngoại tình. Vấn đề ngoại tình của anh T thì tôi chỉ nắm được thông tin cô gái đó tên là Trần Thị Ngọc Yến, sinh năm 1996, số điện thoại 0963.62.19.18 quê ở Yên Bái. Địa chỉ cụ thể của cô Yến thì tôi không biết. Tôi phát hiện anh T và chị Yến nhắn tin, gọi điện qua lại gọi nhau là vợ chồng, nói xấu tôi, hẹn nhau đi chơi. Trước cô Yến thì anh T cũng đã ngoại tình với nhiều người khác nhưng tôi đã bỏ qua. Việc tôi phát hiện anh T ngoại tình với cô Yến do anh T tự đọc mật khẩu Zalo cho tôi biết. Ngoài ra, tôi không có thông tin gì khác về người này để cung cấp cho Tòa án. Anh T trình bày bảo tôi cờ bạc nhưng không đúng sự thật. Đến nay, mặc dù tôi đã nói chuyện, cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và cũng chưa có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay anh T làm Đơn xin ly hôn, tôi vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014.

Đối với cháu Huyền, cháu Tâm hiện đã thành niên, sức khỏe bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung đối với hai cháu. Nếu phải ly hôn, tôi đề nghị được giao nuôi cháu Thiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Tôi làm bảo vệ tại Công ty Ánh Dương SSC, mức lương là 6.100.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh NAT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị TTTV. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014. Đối với cháu Huyền, cháu Tâm hiện đã thành niên, sức khỏe bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung đối với hai cháu. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Thiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh xin rút yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

- Bị đơn chị TTTV không đồng ý ly hôn anh NAT. Về con chung chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung như anh T trình bày. Nếu Tòa án chấp nhận yêu

cầu ly hôn của anh T, chị đề nghị được giao nuôi cháu Thiện và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị đề nghị vợ chồng tự giải quyết vấn đề tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Cụ thể chị đề nghị được anh T hỗ trợ tiền công sức xây dựng, cải tạo nhà trên đất nơi ở chung của hai vợ chồng. Giá trị tiền bằng $\frac{1}{2}$ giá trị như kết quả định giá của Tòa án.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ thụ lý, lấy lời khai, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Thấy rằng cuộc sống chung giữa anh T chị V có xảy ra mâu thuẫn, đã thực sự trầm trọng và kéo dài. Mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh NAT đối với chị TTTV.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014.

Đối với cháu Huyền, cháu Tâm hiện đã thành niên, sức khỏe bình thường, anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung đối với hai cháu. Ly hôn, cả anh T chị V đều có nguyện vọng được giao nuôi cháu NĐT. Xét điều kiện nuôi con và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu NĐT cho anh NAT trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa Nguyên đơn anh NAT và bị đơn chị TTTV. Chị V hiện đang cư trú tại: Số 33B ngõ 306 đường XD, phường XD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Xác định tư cách đương sự và thụ lý, xem xét giải quyết giải quyết các yêu cầu của đương sự*: Quá trình giải quyết vụ án, anh NAT có Đơn đề nghị giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Căn cứ quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của anh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, chị V đồng ý việc rút yêu cầu của anh T và đề nghị vợ chồng tự giải quyết vấn đề tài sản chung vợ chồng. Việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về nội dung*:

2.1. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của anh NAT đối với chị TTTV, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tình cảm*: Anh NAT và chị TTTV kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1994 tại UBND xã XD, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội (Nay là phường XD, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả anh T và chị V đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T xác định do vợ chồng có nhiều bất đồng trong suy nghĩ, lối sống, tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị V sau khi kết hôn có thái độ không tốt với bố mẹ chồng, thường xuyên to tiếng mắng chửi chồng, thường xuyên chửi bới, xúc phạm con cái. Chị V mặc dù không đồng ý ly hôn do vẫn muốn giữ gia đình trọn vẹn, nhưng cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu. Bị đơn TTTV cho rằng lý do anh T ly hôn là do anh T có quan hệ tình cảm với người khác. Quá trình giải quyết vụ án, chị V thừa nhận từ khoảng tháng 9/2022 không thấy anh T có biểu hiện ngoại tình nữa. Bản thân bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp nào khả thi để vợ chồng đoàn tụ.

Theo tài liệu xác minh ngày 14/12/2022 tại nơi cư trú của anh T, chị V thể hiện: Vợ chồng anh T – chị V có mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, thường xuyên to

tiếng gây ảnh hưởng đến khu dân cư. Người thường xuyên làm ảnh hưởng đến trật tự tại khu dân cư là chị V.

Đánh giá lời khai, lời trình bày cùng các tài liệu chứng cứ của các đương sự; căn cứ lời khai, lời trình bày của các con chung là NTH, NTT về mâu thuẫn giữa anh NAT và chị TTTV diễn ra từ lâu, kéo dài qua nhiều năm. Lỗi chủ yếu là do bị đơn TTTV, thể hiện trên các mặt như: Tính khí trong sinh hoạt gia đình, cách dạy con, cách đối xử với chồng và đối nhân xử thế với gia đình chồng, Nhân dân, với hàng xóm trong khu dân cư tại nơi cư trú. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị V thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh NAT đối với chị TTTV là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Anh T, chị V có 03 con chung: NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014.

Đối với con chung là NTH và NTT hiện đã trưởng thành, sinh sống độc lập với bố mẹ, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với con chung NĐT, sinh ngày 01/10/2014: Hiện đang sống cùng anh T, chị V. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả anh T và chị V đều có nguyện vọng nuôi con chung NĐT trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị V.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao con chung chưa thành niên cho cha hay mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn xuất phát từ quyền lợi của con chung, của trẻ em, đảm bảo tốt nhất cho con chung được chăm sóc, nuôi dưỡng về mọi mặt, trên cơ sở hỏi ý kiến của con chung đối với trẻ từ 7 tuổi trở lên.

Ý kiến của con chung là NĐT khi được Tòa án lấy lời khai thể hiện ở với anh T hay chị V đều được. Căn cứ vào thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung NĐT; căn cứ vào lời trình bày của cháu NĐT; căn cứ mong muốn, nguyện vọng của chị NTH và NTT đều đề đạt với Tòa án giao em NĐT cho bố NAT chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy anh T là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón con đi học và là người chịu trách nhiệm về mặt vật chất trong các chi phí sinh hoạt học tập, giáo dục con chung. Vì vậy, cần giao con chung NĐT cho anh NAT trực tiếp chăm sóc giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi tốt hơn so với chị TTTV.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do Nguyên đơn NAT không yêu cầu bị đơn TTTV cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự là anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3]. Về án phí:

Anh NAT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu ly hôn.

Do anh T rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên không phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 61, 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu Ly hôn của anh NAT đối với chị TTTV.

[1.1]. Về nhân thân: anh NAT được ly hôn chị TTTV.

[1.2]. Về con chung: Anh NAT và chị TTTV có 03 con chung là NTH, sinh ngày 12/12/1994; NTT, sinh ngày 27/9/2003; NĐT, sinh ngày 01/10/2014.

Đối với hai con chung là NTH và NTT hiện đã thành niên, sức khỏe bình thường, đã sinh sống độc lập riêng, nên toà án không xem xét, giải quyết.

Giao con chung là NĐT cho anh NAT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị TTTV không phải cấp dưỡng nuôi con chung NĐT cho có sự thay đổi khác của các đương sự.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung của chị TTTV.

[1.3]. Về tài sản chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Nguyên đơn anh NAT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0043409 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả anh NAT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0043493 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS Q.Bắc Từ Liêm;
- UBND phường cổ Nhuế 1, BTL, HN;
- Lưu HS, VP

Đặng Thế Vinh